

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**
Số: 3871 /QĐ-UBND

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Bình Định, ngày 22 tháng 11 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho các hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng GPMB thực hiện dự án đường ven biển tỉnh Bình Định, đoạn từ Cát Tiến - Diêm Vân

Đợt 45: Bồi thường, hỗ trợ cho 36 hộ gia đình, cá nhân và 1 tổ chức bị ảnh hưởng di chuyển mồ mả, vật kiến trúc, đất nông nghiệp, cây trồng thuộc địa bàn xã Phước Sơn, Phước Thuận và Phước Hoà, huyện Tuy Phước.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định và Quyết định số 21/2019/QĐ-UBND ngày 28/5/2019 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều quy định kèm theo Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 65/2014/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành Bảng giá các loại đất định kỳ 05 năm (năm 2020-2024) trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 52/2022/QĐ-UBND ngày 17/8/2022 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá nhà cửa, vật kiến trúc và mồ mả trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 09/2021/QĐ-UBND ngày 25/3/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây cối, hoa màu khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 88/2020/QĐ-UBND ngày 18/12/2020 của UBND tỉnh về việc Ban hành sửa đổi, bổ sung Bảng giá các loại đất định kỳ 05 năm (năm 2020-2024) trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 528/QĐ-UBND ngày 21/02/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất và giá đất ở cụ thể để lập phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB thực hiện dự án Đường ven biển tỉnh Bình Định, đoạn Cát Tiến – Diêm Vân thuộc địa bàn huyện Tuy Phước;

Căn cứ Quyết định số 3728/QĐ-UBND ngày 08/9/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng Dự án Đường ven biển tỉnh Bình Định, đoạn Cát Tiến - Diêm Vân;

Theo đề nghị của Thường trực Hội đồng bồi thường GPMB dự án Đường ven biển tỉnh Bình Định, đoạn Cát Tiến - Diêm Vân tại Tờ trình số 2646/TTr-BQLGT ngày 11/11/2022 và Biên bản cuộc họp ngày 04/11/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ di chuyển mồ mã và vật kiến trúc cho 36 hộ gia đình, cá nhân và 01 tổ chức bị ảnh hưởng do giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Đường ven biển tỉnh Bình Định, đoạn Cát Tiến - Diêm Vân thuộc địa bàn xã Phước Sơn, Phước Hòa, Phước Thuận, huyện Tuy Phước, với nội dung chính như sau:


1. Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho 36 hộ gia đình, cá nhân và 01 tổ chức bị ảnh hưởng di chuyển mồ mã, vật kiến trúc, đất nông nghiệp, cây trồng thuộc địa bàn xã Phước Sơn, Phước Thuận và Phước Hoà, huyện Tuy Phước và chi phí phục vụ công tác GPMB (2%) là: **1.758.970.000 đồng** (Một tỷ, bảy trăm năm mươi tám triệu, chín trăm bảy mươi ngàn đồng). Trong đó:

- Chi phí bồi thường, hỗ trợ:	1.724.480.000 đồng;
+ Bồi thường di chuyển mồ mã:	1.260.494.000 đồng;
+ Bồi thường, hỗ trợ vật kiến trúc:	132.479.000 đồng;
+ Hỗ trợ di chuyển mồ mã:	830.000 đồng;
+ Bồi thường, hỗ trợ về đất:	315.872.000 đồng;
+ Bồi thường, hỗ trợ cây cối hoa màu:	6.404.000 đồng;
+ Hỗ trợ ổn định đời sống:	7.920.000 đồng;
+ Hỗ trợ cải tạo đất:	481.000 đồng;
- Chi phí phục vụ công tác GPMB (2%):	34.490.000 đồng.


2. Nguồn vốn chi trả: Từ nguồn chi phí bồi thường, GPMB của dự án nêu trên.

(Kèm theo Phụ lục và Phương án chi tiết theo Văn bản số 2646/TTr-BQLGT ngày 11/11/2022 của Thường trực Hội đồng bồi thường GPMB dự án Đường ven biển tỉnh Bình Định, đoạn Cát Tiến - Diêm Vân).

Điều 2. Ban QLDA Giao thông tỉnh chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Quyết định này theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Giám đốc Ban QLDA Giao thông tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Tuy Phước, các cá nhân, tổ chức có liên quan và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. / 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT UBND tỉnh;
- PCT Nguyễn Tự Công Hoàng;
- PVP TD;
- Lưu: VT, K19 

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tự Công Hoàng

PHỤ LỤC
BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

Dự án: Đường ven biển tỉnh Bình Định, đoạn Cát Tiến - Diêm Vân

Đợt 45: Bồi thường, hỗ trợ cho 36 hộ gia đình, cá nhân và 01 tổ chức ảnh hưởng đất nông nghiệp, vật kiến trúc, cây trồng và di chuyển mồ mả thuộc địa bàn các xã Phước Sơn, Phước Thuận, Phước Hoà, huyện Tuy Phước.

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /11/ 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Chủ sử dụng	Địa chỉ	Tờ bản đồ số	Thửa số	Tổng diện tích thửa đất (m ²)	Diện tích thu hồi (m ²)	Diện tích mượn tạm (m ²)	Diện tích còn lại (m ²)	Số lượng mồ mả (cái)	Nội dung bồi thường, hỗ trợ						Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)	
										Bồi thường di chuyển mồ mả	Bồi thường vật kiến trúc	Hỗ trợ di chuyển mồ mả	Bồi thường, hỗ trợ về đất	Bồi thường cây cối, hoa màu	Hỗ trợ ổn định đời sống		Hỗ trợ cải tạo đất
A	Các hộ ảnh hưởng di chuyển mồ mả, vật kiến trúc, cây trồng trên địa bàn xã Phước Sơn (32 hộ)																
1	Nguyễn Bảy	Thôn Lộc Trung, Phước Sơn	15	661	1.446,8	0,0	383,3	1.063,5	2	109.063.000	3.335.000	-	-	-	-	-	112.398.000
2	Nguyễn Mười	Xóm 13, thôn Lộc Trung, Phước Sơn	15	661					2	50.507.000	4.049.000	-	-	-	-	-	54.556.000
3	Đoàn Văn Thành	Thôn Lộc Trung, Phước Sơn	15	661					4	27.527.000	1.268.000	-	-	-	-	-	28.795.000
4	Nguyễn Đức Thọ	Thôn Lộc Trung, Phước Sơn	15	661					4	54.719.000	4.945.000	-	-	-	-	-	59.664.000
5	Lê Thị Nho	Thôn Lộc Trung, Phước Sơn	15	661					4	29.850.000	2.244.000	-	-	-	-	-	32.094.000
6	Nguyễn Kim Nhân	Thôn Lộc Trung, Phước Sơn	15	661					1	25.187.000	-	-	-	-	-	-	25.187.000
7	Nguyễn Văn Khoẻ	Xóm 14, thôn Lộc Trung, Phước Sơn	15	661					1	7.390.000	1.952.000	-	-	-	-	-	9.342.000
8	Nguyễn Văn Sáu	Xóm 14, thôn Lộc Trung, Phước Sơn	15	661					4	18.106.000	2.195.000	-	-	-	-	-	20.301.000
9	Nguyễn Văn Luận	Xóm 14, thôn Lộc Trung, Phước Sơn	15	661					1	8.008.000	2.927.000	-	-	-	-	-	10.935.000
10	Nguyễn Văn Luân	Thôn Lộc Trung, Phước Sơn	15	661					2	6.887.000	-	-	-	-	-	-	6.887.000
11	Nguyễn Văn Điệp	Xóm 14, thôn Lộc Trung, Phước Sơn	15	661					1	2.600.000	-	-	-	-	-	-	2.600.000
12	Trần Quốc Hùng	Xóm 14, thôn Lộc Trung, Phước Sơn	15	661					1	2.600.000	-	-	-	-	-	-	2.600.000
13	Nguyễn Thị Tốt	Thôn Lộc Trung, Phước Sơn	15	661					2	5.200.000	-	-	-	-	-	-	5.200.000
14	Trần Văn Phụng	Thôn Lộc Trung, Phước Sơn	15	661					1	2.600.000	-	-	-	-	-	-	2.600.000
15	Nguyễn Văn Bảy	Thôn Lộc Trung, Phước Sơn	15	661					2	5.200.000	-	-	-	-	-	-	5.200.000
16	Cao Văn Đù	Thôn Lộc Trung, Phước Sơn	15	661					1	2.600.000	1.708.000	-	-	-	-	-	4.308.000
17	Nguyễn Ngọc Dũng	Thôn Kỳ Sơn, Phước Sơn	15	661					10	25.200.000	-	-	-	-	-	-	25.200.000

18	Trần Văn Lập	Thôn Lộc Trung, Phước Sơn	15	844	1.549,4	0,0	122,6	1.426,8	3	240.971.000	12.551.000	-	-	-	-	-	253.522.000	
19	Trần Văn Sô	Thôn Lộc Trung, Phước Sơn	15	844					7	53.038.000	-	-	-	-	-	-	53.038.000	
20	Lê Minh Dũng	Thôn Kỳ Sơn, Phước Sơn	30	482	3.551,2	529,5	432,0	2.589,7	52	391.256.000	61.928.000	-	-	-	-	-	453.184.000	
21	Nguyễn Ngọc Thanh	Thôn Kỳ Sơn, Phước Sơn	30	482					3	7.800.000	-	-	-	-	-	-	7.800.000	
22	Hồ Cao Chung	Thôn Kỳ Sơn, Phước Sơn	29	422	22,2	22,2	0,0	0,0	3	18.261.000	31.572.000	-	-	-	-	-	-	
			29	393	44,4	44,4	0,0	0,0										
23	Nguyễn Đình Thao	Thôn Vinh Quang 1, Phước Sơn	30	359	244,7	244,7	0,0	0,0	1	14.572.000	1.805.000	-	-	-	-	-	16.377.000	
24	Đặng Ngọc Khiêm	Thôn Kỳ Sơn, Phước Sơn	30	359					15	37.600.000	-	-	-	-	-	-	-	
			29	338	31,8	31,8	0,0	0,0										
25	Nguyễn Đình Thông	Thôn Vinh Quang 1, Phước Sơn	30	359					12	30.200.000	-	-	-	-	-	-	30.200.000	
26	Nguyễn Thế Biểu	Thôn Vinh Quang, Phước Sơn	30	359					2	5.200.000	-	-	-	-	-	-	5.200.000	
27	Lê Thị Thu Sang	Thôn Kỳ Sơn, Phước Sơn	30	359					2	5.200.000	-	-	-	-	-	-	5.200.000	
28	Đặng Minh Đào	Đội 10, thôn Kỳ Sơn, Phước Sơn	29	1037	2.297,9	191,5	4,8	2.101,6	2	5.200.000	-	-	-	-	-	-	5.200.000	
29	Nguyễn Tinh	Thôn Giang Bắc, Phước Hiệp.	15	5	1.260,9	0,0	886,7	374,2	3	20.324.000	-	-	-	-	-	-	20.324.000	
30	Phạm Văn Hiếu	Xóm 4, Mỹ Cang, Phước Sơn	15	5					3	7.800.000	-	-	-	-	-	-	7.800.000	
31	Phạm Cao Phương	Thôn Dương Thiên, Phước Sơn	8	538	320,9	70,8	250,1	0,0	5	13.000.000	-	-	-	-	-	-	13.000.000	
32	Hồ Ngụy Tám	Thôn Kỳ Sơn, Phước Sơn	30	482						-	-	-	-	585.000	-	-	585.000	
B Các hộ ảnh hưởng di chuyển mã mã trên địa bàn xã Phước Thuận (03 hộ)																		
33	Lưu Đình Thuận	Thôn Liêm Thuận, xã Phước Thuận.	5	726	748,6	723,6	1,5	23,5	2	5.200.000	-	-	-	-	-	-	5.200.000	
34	Huỳnh Văn Năm	Thôn Lộc Hạ, xã Phước Thuận	5	355	6.785,3	3.396,1	19,2	3.370,0	1	21.628.000	-	-	-	-	-	-	21.628.000	
35	Trần Thông Hoà	Thôn Liêm Thuận, Phước Thuận	5	635	2.763,4	1.412,0	1,0	1.350,4		-	-	830.000	-	-	-	-	830.000	
C Bị ảnh hưởng đất nông nghiệp thuộc địa bàn xã Phước Hòa (01 hộ và 01 tổ chức)																		
36	Hàn Chung (chết) con Hàn Thọ kê khai	Thôn Tùng Giản, Phước Hoà	12	487	594,8	594,8	0,0	0,0			-	-	-	315.872.000	4.883.000	7.920.000	-	328.675.000
			12	259	490,3	490,3	0,0	0,0			-	-	-	-	-	-	-	-
37	UBND xã Phước Hoà	Thôn Kim Tây, Phước Hoà	12	509	730,5	0,0	208,0	522,5		-	-	-	-	936.000	-	481.000	1.417.000	
I	Tổng cộng chi phí bồi thường, hỗ trợ (1+2+...+37):				22.883,1	7.751,7	2.309,2	12.822,2	159	1.260.494.000	132.479.000	830.000	315.872.000	6.404.000	7.920.000	481.000	1.724.480.000	
II	Chi phí phục vụ công tác GPMB (I x 2%)																34.490.000	
III	Tổng cộng (I+II)																1.758.970.000	